

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON NGHĨA AN

Khu Nam An

Ngày 06 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo tẻ	Sữa bột Nuvi	Sữa bột Nuvi	Cháo sườn non
Thịt lợn, thịt bò rim cà rốt	Nuvi	Grow School	
Cải thảo xào thịt gà	Grow School	Cháo sườn non	
Canh cá trắm	School		

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	175	20,000	3,500,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	47	20,000	940,000	
	TỔNG	222		4,440,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	Mẫu giáo		Nhà trẻ		Tổng cộng	
			SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền
1	Gạo tẻ	21000	17.6	369600	3	63000	20.6	432600
2	Thịt bò	285000	3	855000	0.5	142500	3.5	997500
3	Thịt mỡ	140000	4.4	616000	0.8	112000	5.2	728000
4	Cà rốt	20000	1.7	34000	0.2	4000	1.9	38000
5	Hành tây	15000	1.7	25500	0.2	3000	1.9	28500
6	Cải ngọt	25000	4.5	112500	0.4	10000	4.9	122500
7	Thịt gà	75000	1.4	105000	0.4	30000	1.8	135000
8	Cá trắm	110000	1.7	187000	0.2	22000	1.9	209000
9	Cà chua	25000	3.5	87500	0.4	10000	3.9	97500
10	Giá đỗ	19000	0.8	15200	0.2	3800	1	19000
11	Sườn non	150000	1	150000	1.9	285000	2.9	435000
12	Bí ngô	20000	1	20000	0.5	10000	1.5	30000
13	Mùi ta	50000	0.08	4000	0.01	500	0.09	4500
14	Hành hoa	40000	0.08	3200	0.01	400	0.09	3600

15	Thì là	50000	0.08	4000	0.01	500	0.09	4500
16	Sữa bột Nuvi	260000	2.9	754000	0.8	208000	3.7	962000
17	Dầu ăn	75000	1.3	97500	0.3	22500	1.6	120000
18	Nước mắm	40000	0.5	20000	0.1	4000	0.6	24000
19	Hành khô	35000	0.08	2800	0.02	700	0.1	3500
20	Muối	6500	0.3	1950	0.1	650	0.4	2600
21	Hạt nêm	71000	0.5	35500	0.1	7100	0.6	42600
	Cộng tiền			3500250		939650		4439900

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,440,000
- Số tiền đã chi: 4439900
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: 100

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON NGHĨA AN

Khu Nam Nghĩa

Ngày 06 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo tám	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School	Cháo sườn non
Thịt lợn, thịt bò rim cà rốt		Cháo sườn non	
Cải thảo xào thịt gà			
Canh cá trắm			

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	178	20,000	3,560,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	56	20,000	1,120,000	
	TỔNG	234		4,680,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐƠN GIÁ	MẪU GIÁO		CƠM NHÀ TRẺ		TỔNG SỐ LƯỢNG (kg)	CỘNG TIỀN (đồng)
			SL (kg)	Tiền (đồng)	SL (kg)	Tiền (đồng)		
1	Gạo tám	21000	17.9	375900	3.6	75600	21.5	451500
2	Thịt bò	285000	3	855000	0.8	228000	3.8	1083000
3	Thịt mỡ	140000	4.5	630000	0.8	112000	5.3	742000
4	Cà rốt	20000	1.7	34000	0.3	6000	2	40000
5	Hành tây	15000	1.8	27000	0.3	4500	2.1	31500
6	Cải ngọt	25000	4.4	110000	0.5	12500	4.9	122500
7	Thịt gà	75000	1.5	112500	0.5	37500	2	150000
8	Cá trắm	110000	1.7	187000	0.3	33000	2	220000
9	Cà chua	25000	3.5	87500	0.5	12500	4	100000
10	Giá đỗ	19000	0.8	15200	0.2	3800	1	19000
11	Sườn non	150000	1	150000	2	300000	3	450000

12	Bí ngô	20000	1.1	22000	0.7	14000	1.8	36000
13	Mùi ta	50000	0.08	4000	0.01	500	0.09	4500
14	Hành hoa	40000	0.08	3200	0.01	400	0.09	3600
15	Thì là	50000	0.08	4000	0.01	500	0.09	4500
16	Sữa bột Nuvi	260000	3	780000	0.9	234000	3.9	1014000
17	Dầu ăn	75000	1.4	105000	0.4	30000	1.8	135000
18	Nước mắm	40000	0.5	20000	0.1	4000	0.6	24000
19	Hành khô	35000	0.08	2800	0.02	700	0.1	3500
20	Muối	6500	0.3	1950	0.1	650	0.4	2600
21	Hạt nêm	71000	0.5	35500	0.1	7100	0.6	42600
	Cộng tiền			3562550		1117250		4679800

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,680,000
- Số tiền đã chi: 4679800
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: 200